

Số: /SGDDĐT-GDMN  
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ  
năm học 2025-2026 đối với  
giáo dục mầm non

*Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025*

Kính gửi: Các cơ sở giáo dục mầm non

Thực hiện Công văn số 4828/BGDDĐT-GDMN ngày 15/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non (GDMN);

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDDĐT ngày 20/8/2025 của Bộ GDĐT về việc ban hành kế hoạch nhiệm vụ giải pháp năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 206/SGDDĐT-GDMN ngày 31/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nền nếp chuyên môn cấp học mầm non từ năm học 2025-2026.

Sở GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non như sau:

## **I. NHIỆM VỤ CHUNG**

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý gắn với thực hiện phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với GDMN. Đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp của ngành với chủ đề năm học “Kỷ cương – Sáng tạo - Đột phá – Phát triển”.

2. Chú trọng công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em; thực hiện nghiêm các nội dung theo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN.

3. Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (NDCSGD) trẻ trong cơ sở GDMN.

4. Triển khai công tác thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025. Thực hiện các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, thực hiện chính sách phát triển GDMN trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5. Nghiêm túc thực hiện các quy định về chính sách đối với trẻ em mầm non và Nhà giáo trong cơ sở GDMN.

6. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong GDMN; tối ưu hóa việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý,

điều hành, giảm thiểu việc sử dụng văn bản giấy, hồ sơ truyền thống.

## II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

### 1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý gắn với thực hiện phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với GDMN<sup>1</sup>

1.1. Chủ động tham mưu triển khai kịp thời các văn bản, chính sách về GDMN, bảo đảm các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN.

- Xây dựng kế hoạch năm học của nhà trường trên cơ sở bám sát các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở GD&ĐT và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Kế hoạch phải thể hiện rõ các chỉ tiêu huy động trẻ, tỉ lệ chuyên cần, phổ cập GDMN cho trẻ 3–5 tuổi; công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ; chương trình giáo dục mầm non...

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các chính sách hiện hành đối với trẻ em mầm non (hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3–5 tuổi, trẻ khuyết tật, trẻ em vùng DTTS, vùng khó khăn...) và chính sách đối với giáo viên (chế độ ưu đãi, bồi dưỡng thường xuyên, hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn). Tất cả chế độ chính sách phải được niêm yết công khai tại trường.

- Rà soát, thống kê chính xác số trẻ 3–5 tuổi trên địa bàn; phối hợp với UBND xã/phường, thôn bản, tổ dân phố để giữ vững và duy trì phổ cập GDMN trẻ 5 tuổi; vận động, huy động trẻ mẫu giáo ra lớp nhằm hoàn thành 100% tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo ra lớp đến năm 2030.

- Nghiêm túc thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về chính sách đối với trẻ em mầm non và chính sách đối với Nhà giáo trong cơ sở GDMN<sup>2</sup>.

### 1.2. Đổi mới công tác quản lý, quản trị nhà trường

- Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ trong nhà trường; tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động ngay từ đầu năm học; công khai các khoản thu, chi, chế độ chính sách và kế hoạch năm học để phụ huynh, giáo viên giám sát.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý: Cập nhật dữ liệu trẻ, giáo viên lên hệ thống CSDL ngành đúng tiến độ; tối ưu hóa việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giảm thiểu việc sử dụng văn bản, hồ sơ giấy<sup>3</sup>.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của hiệu trưởng. Hiệu trưởng/Chủ cơ sở chịu

<sup>1</sup> Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ GD&ĐT; Thông tư số 09/2025/TT-BGD&ĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với GDMN và các văn bản liên quan đối với GDMN. Thông tư 15/2025/BGD&ĐT ngày 24/7/2025 v/v hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hoá-Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

<sup>2</sup> Nghị quyết 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 quy định miễn, hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông và người học chương trình giáo dục phổ thông trong các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Chính sách về học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ em theo quy định; Luật số 73/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo và các quy định của pháp luật. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025;

<sup>3</sup> Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/5/2020 và Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Chỉ thị số 138/CT-BGD&ĐT ngày

trách nhiệm trước Sở GDĐT, cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác quản lý tài chính, tài sản, nhân sự, chất lượng chăm sóc, giáo dục và an toàn trường học.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt tổ nhóm định kỳ; phát huy mạng lưới chuyên môn liên xã, liên trường để nhân rộng các kinh nghiệm quản lý GDMN.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện: có kế hoạch phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em; tổ chức tập huấn kỹ năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp cho giáo viên và nhân viên nuôi dưỡng.

### 1.3. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra theo thẩm quyền

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học ngay từ đầu năm, trong đó phân công rõ trách nhiệm cho Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn. Kế hoạch phải bao quát các nội dung: công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; thực hiện chương trình GDMN; quản lý tài chính, tài sản; việc chấp hành chế độ, chính sách đối với giáo viên và trẻ em.

- Thực hiện kiểm tra nội bộ thường xuyên và định kỳ. Tổ chức tự đánh giá chất lượng giáo dục hằng năm theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng GDMN. Thực hiện công khai kết quả kiểm tra nội bộ trong nhà trường, làm căn cứ cho việc đánh giá, xếp loại giáo viên cuối năm học.

- Tăng cường công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sai sót trong quá trình quản lý, chăm sóc, giáo dục; báo cáo bằng văn bản những vấn đề vượt thẩm quyền về cơ quan quản lý cấp trên để được chỉ đạo giải quyết.

- Đẩy mạnh phối hợp các ban ngành trong kiểm tra hiệu quả, hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ GDMN của địa phương, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ và hoạt động của cơ sở GDMN.

- Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung theo quy định đối với cơ sở GDMN đặc biệt công tác đảm bảo an toàn cho trẻ, công tác chăm sóc nuôi dưỡng đối với cơ sở GDMN ngoài công lập, kiên quyết đình chỉ các cơ sở GDMN ngoài công lập không đảm bảo các điều kiện theo quy định, xử lý nghiêm cá nhân, tổ chức vi phạm<sup>4</sup>.

## **2. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em**

### **2.1. Bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ em**

Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định về công tác bảo đảm an toàn trường học<sup>5</sup>. Tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức

18/01/2019 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; Công văn số 206/SGDĐT-GDMN ngày 31/7/2025 của Sở GDĐT v/v hướng dẫn thực hiện nền nếp chuyên môn cấp học mầm non từ năm học 2025-2026

<sup>4</sup> Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục. 8 Công văn số 826/BGDĐT-CSVC ngày 29/2/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở GDMN, phổ thông và thường xuyên

<sup>5</sup> Nghị định số 80/2017/NĐ-CP quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định về việc xây dựng trường học an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ GDĐT về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở GDMN; Công văn số 1773/BGDĐT-GDCTCTHSSV ngày 16/4/2024 về việc tăng cường bảo đảm công tác an toàn trường học; Công văn số 3523/Bộ GDĐT-GDCTHSSV ngày 16/8/2019 về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn

khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích và giáo dục phát triển vận động trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với điều kiện thực tế. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; tăng cường giáo dục kỹ năng xã hội cho trẻ em mầm non. Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo đảm an toàn trường học ngay từ đầu năm học, bao gồm: an toàn thân thể, an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông.

- Tổ chức rà soát cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ chơi trước khi đón trẻ; kịp thời khắc phục, thay thế các hạng mục không đảm bảo an toàn (bếp ăn, điện, nước, thiết bị ngoài trời, đồ dùng học tập...).

- Thực hiện nghiêm quy trình an toàn thực phẩm theo Công văn số 206/SGDDĐT-GDMN.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên về kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, sơ cấp cứu ban đầu, ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng sống và kỹ năng phòng tránh nguy hiểm phù hợp với độ tuổi cho trẻ (qua trò chơi, hoạt động trải nghiệm, tình huống giả định...).

- Thiết lập quy trình đón trả trẻ an toàn: Niêm yết rõ ràng thời gian, địa điểm đón trả; bàn giao trẻ trực tiếp cho phụ huynh/người được ủy quyền; ghi chép, ký nhận đầy đủ vào sổ theo dõi.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát an toàn trường học; lập biên bản và có kế hoạch khắc phục ngay khi phát hiện nguy cơ mất an toàn.

2.2. Đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN

*a) Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em trong cơ sở GDMN*

- Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới; phối hợp với ngành Y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong các cơ sở GDMN.

- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe của nhà trường ngay từ đầu năm học, đảm bảo phù hợp độ tuổi, điều kiện cơ sở vật chất, gắn với mục tiêu phát triển thể chất trong Chương trình GDMN.

- Phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm trong tổ chức bữa ăn cho trẻ tại cơ sở GDMN theo quy định<sup>6</sup>. Bảo đảm an toàn thực phẩm; dinh dưỡng hợp lý cho trẻ theo Công văn số 206/SGDDĐT-GDMN. Thực hiện nghiêm túc công

cho học sinh khi sử dụng dịch vụ đưa đón bằng xe ô tô; Công văn số 423/BGDDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về việc phối hợp chỉ đạo công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN.

<sup>6</sup> Công văn số 423 /BGDDĐT-GDMN ngày 07/02/2023 về công tác nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn cho trẻ em tại cơ sở GDMN; Công văn số 404/BGDDĐT-GDDT ngày 24/01/2024 về tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông.

tác nuôi dưỡng cho trẻ em tại cơ sở GDMN về số bữa ăn đáp ứng nhu cầu khuyến nghị, thực hiện Biểu tính khẩu phần ăn cho trẻ, phân bố bữa ăn phù hợp với từng độ tuổi, tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, thời gian tổ chức ăn cho trẻ thực hiện theo lịch sinh hoạt hằng ngày bảo đảm đúng quy định tại Chương trình GDMN;

- Chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho trẻ: Phối hợp với cơ sở y tế tại địa phương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ theo quy định, theo dõi biểu đồ tăng trưởng và hồ sơ sức khỏe điện tử. Tổ chức cân, đo, đánh giá thể lực trẻ theo quy định kịp thời tư vấn phụ huynh khi phát hiện trẻ suy dinh dưỡng, béo phì hoặc có dấu hiệu bệnh lý. Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch bệnh (tiêm chủng, vệ sinh môi trường, rửa tay với xà phòng, khử khuẩn định kỳ).

- Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ cho trẻ: tập cho trẻ rửa tay, đánh răng, mặc quần áo, tự xúc ăn; rèn thói quen vệ sinh cá nhân và ý thức giữ gìn sức khỏe.

- Phối hợp với cơ sở y tế tại địa phương tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên: 100% nhân viên nuôi dưỡng, cấp dưỡng phải được tập huấn kiến thức VSATTP và kỹ năng sơ cấp cứu y tế.

*b) Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục*

- Thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo thống nhất, toàn diện và linh hoạt:

Xây dựng, phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của địa phương, đơn vị. Phát huy, nhân rộng kết quả những mô hình, sáng kiến trong thực hiện Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Các cơ sở GDMN triển khai các giải pháp phù hợp, phát huy tính chủ động và sự tham gia của của tổ chuyên môn; bảo đảm sự tham gia của cha mẹ trẻ trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục, bảo đảm an toàn cho trẻ trong cơ sở GDMN.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm: Tổ chức hoạt động đa dạng, phong phú, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ; tăng cường hoạt động trải nghiệm, khám phá khoa học, vui chơi ngoài trời và các dự án nhỏ gắn với thực tiễn; thiết kế, bố trí môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học mở, thân thiện, có đủ học liệu cho trẻ hoạt động.

Khuyến khích ứng dụng CNTT, học liệu số trong các hoạt động, mỗi giáo viên tổ chức ít nhất 01 hoạt động/tháng có ứng dụng CNTT.

- Từng bước áp dụng và nhân rộng mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại phù hợp với điều kiện cơ sở; khuyến khích hợp tác, đầu tư nước ngoài và cơ sở thực hiện liên kết giáo dục; triển khai ứng dụng các mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tế của các cơ sở giáo dục, bảo đảm tính khả thi và hiệu quả.

- Thực hiện bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDMN có chất lượng: Các trường xây dựng kế hoạch tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số

(DTTS) trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ, phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị (trường, lớp, học sinh...). Tổ chức các hoạt động “góc tiếng Việt”, kể chuyện, đọc thơ, hát đồng dao, trò chơi ngôn ngữ. Triển khai các nội dung chuyên môn của Chương trình Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó, tiếp tục ưu tiên đầu tư, có giải pháp thiết thực hiệu quả triển khai thực hiện nhằm đạt các mục tiêu của Chương trình<sup>7</sup>.

- Bảo đảm chất lượng giáo dục hoà nhập trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn: Bảo đảm các điều kiện môi trường giáo dục và kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ em khuyết tật và hoàn cảnh khó khăn. Đồng thời tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, GVMN trong việc quản lý, tổ chức giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong các cơ sở GDMN.

- Tăng cường lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: Giáo dục quyền con người, giáo dục giới, giáo dục an toàn giao thông, chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp một và không dạy trước chương trình lớp Một cho trẻ em 5 tuổi theo quy định. Tăng cường giáo dục giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc cho trẻ theo hình thức và phương pháp phù hợp nhằm giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc; xây dựng góc văn hóa các dân tộc trong nhà trường đảm bảo phù hợp với điều kiện của đơn vị và đặc thù vùng miền của địa phương.

- Tiếp tục hướng dẫn triển khai cho trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh thực hiện tại các cơ sở GDMN đáp ứng các yêu cầu quy định và sự tự nguyện của gia đình trẻ, hỗ trợ phát triển ngôn ngữ, làm quen tiếng Anh tốt nhất cho trẻ em theo quy định tại Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT về việc phê duyệt Thông tư ban hành Chương trình Làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

### **3. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp<sup>8</sup>**

Thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng GDMN ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp:

- Tham mưu xây dựng chính sách đặc thù địa phương đối với GDMN ở địa

---

<sup>7</sup> Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030” Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 16/5/2023 về thực hiện Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030”. Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 15/12/2020 Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ và mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

<sup>8</sup> Chương trình “Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non ở địa bàn đô thị, khu công nghiệp giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045”. Công văn số 7237/BGDĐT-GDMN ngày 26/12/2023 về việc phối hợp chỉ đạo thực hiện chính sách đối với GDMN tại địa bàn có KCN, nơi tập trung nhiều lao động; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách phát triển GDMN; Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động; Quyết định 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 phê duyệt Đề án “Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025”; Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”.... Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách khuyến khích phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Nghị quyết số 05);

bàn khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động.

- Đa dạng mô hình GDMN phù hợp đặc thù địa bàn đô thị; huy động nguồn lực xã hội hóa gắn với trách nhiệm doanh nghiệp và đẩy mạnh hợp tác quốc tế; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và phối hợp liên ngành.

- Huy động nguồn lực từ các Chương trình, Dự án, các tổ chức phi Chính phủ, nguồn viện trợ không hoàn lại hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thực.

#### **4. Triển khai, tổ chức và thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi**

- Triển khai Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi (gọi tắt là phổ cập mẫu giáo) và các văn bản của Chính phủ, Bộ GDĐT về phổ cập mẫu giáo:

Mỗi trường mầm non xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục mầm non (PCGDMN) cho trẻ 3–5 tuổi gắn với điều kiện thực tế của đơn vị. Xác định rõ chỉ tiêu huy động trẻ theo từng độ tuổi, bảo đảm huy động đạt tỷ lệ 100% trẻ 3- 5 tuổi ra lớp vào năm 2030.

Tổ chức rà soát, đánh giá về việc huy động trẻ em mẫu giáo, các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các điều kiện để chuẩn bị triển khai phổ cập mẫu giáo theo yêu cầu của Quốc hội và Chính phủ.

Cập nhật thường xuyên số liệu trẻ 3-5 tuổi vào Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục để phục vụ quản lý, kiểm tra, công nhận phổ cập.

Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể và phụ huynh để huy động trẻ 3–5 tuổi ra lớp, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS, khu công nghiệp. Có biện pháp quản lý, nắm chắc số trẻ trong độ tuổi tại địa bàn; tổ chức các hoạt động hỗ trợ phụ huynh khó khăn, trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt được đến trường.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT và Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức rà soát, kiểm tra đánh giá lại về kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (trong điều kiện đã sáp nhập tỉnh, thành phố, thực hiện chính quyền hai cấp); điều chỉnh, bổ sung và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện năm 2026 để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập.

#### **5. Đảm bảo các điều kiện trường lớp, cơ sở vật chất, đội ngũ**

##### **5.1. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp**

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các trường, điểm trường, lớp học đảm bảo tinh gọn bảo đảm các nguyên tắc: Phù hợp các quy định, khoa học, linh hoạt, kế thừa, ổn định lâu dài và phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, tạo thuận lợi cho người dân, nâng cao chất lượng, dân chủ, công khai, minh bạch<sup>9</sup>. Các trường mầm

non chủ động phối hợp với Phòng Văn hóa- Xã hội trên địa bàn tham mưu UBND cấp xã tổ chức rà soát toàn bộ trường, điểm trường, lớp học trên địa bàn; cập nhật số liệu về quy mô, số lớp, sĩ số, nhu cầu huy động trẻ đến lớp. Thực hiện sắp xếp trường, lớp theo hướng tinh gọn, hợp lý, tiết kiệm nguồn lực nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi học tập của trẻ, không để trẻ phải đi học xa hoặc thiếu chỗ học.

- Đa dạng mô hình giáo dục mầm non phù hợp đặc thù địa bàn đô thị; bảo đảm các điều kiện nhận trẻ từ 06 tháng đến 36 tháng tuổi tại cơ sở GDMN.

5.2. Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

- Tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương khai thác, phối hợp các nguồn lực từ các Chương trình Mục tiêu Quốc gia, ưu tiên đầu tư cho cấp học mầm non trong việc xây dựng trường, lớp, CSVC, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN. Tập trung đầu tư cho cơ sở GDMN công lập ở các xã có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, thuộc miền núi, biên giới; phấn đấu đạt các mục tiêu của Chương trình Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn để nâng cao chất lượng xây dựng trường chuẩn quốc gia<sup>10</sup>.

- Tham mưu rà soát, bố trí nhà, đất dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cho GDMN bảo đảm về trường, lớp đáp ứng huy động trẻ được đến trường và bảo đảm điều kiện GDMN có chất lượng<sup>11</sup>.

- Tham mưu UBND cấp xã thực hiện hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn để cải tạo, nâng cấp trường lớp, CSVC đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/lớp; nâng cao tỷ lệ phòng học kiên cố, thay thế phòng học tạm, nhờ/mượn; bổ sung các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, học liệu theo yêu cầu chuẩn hóa và hiện đại đáp ứng thực hiện NDCSGD, bảo đảm tiếp cận sử dụng đối với trẻ khuyết tật trong các cơ sở GDMN.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục tại địa phương bằng những chính sách và văn bản, kế hoạch thực hiện xã hội hóa giáo dục được ban hành để thu hút các nguồn lực từ tổ chức, cá nhân, nâng cao các điều kiện bảo đảm chất lượng đối với cơ sở GDMN, đặc biệt đối với cơ sở GDMN độc lập dân lập, tư thực, địa bàn đô thị, khu công nghiệp. Tạo điều kiện để thực hiện các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho trẻ em và hoạt động của cơ sở GDMN theo quy định ...<sup>12</sup>.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, rà soát đổi chiếu tiêu chuẩn, tham mưu giải pháp khắc phục tồn tại để đảm bảo tiến độ công nhận mới, công nhận lại trường chuẩn quốc gia. Ưu tiên đầu tư, cải tạo, xây mới các trường mầm non xuống cấp, mở rộng phòng chức năng (tin học, ngoại ngữ, thư viện) và

<sup>10</sup> Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”.

<sup>11</sup> Công điện số 80/CĐ-TTg ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai phương án xử lý tài sản sau sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp; Công văn số 3022/BGDĐT-KHTC ngày 13/6/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn về tiêu chuẩn, yêu cầu về diện tích nhà, đất xây dựng các cơ sở giáo dục theo mô hình tổ chức mới để các địa phương xây dựng phương án sắp xếp, bố trí, xử lý nhà, đất.

<sup>12</sup> Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển GDMN. Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ GDĐT về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở GDMN;



trang bị đồng bộ thiết bị hiện đại. Phân đầu tăng tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Tiếp tục tham mưu tư vấn thiết kế trường mầm non xanh, giảm bê tông hóa, xây dựng môi trường giáo dục sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện. Đảm bảo 50% diện tích sân vườn là sân cỏ, trồng cây xanh bóng mát, cây cảnh, cây ăn quả, vườn rau, khu vui chơi thể chất. Từng bước trang bị đồng bộ cơ sở vật chất, thiết bị theo hướng hiện đại (bếp từ công nghiệp; màn hình led, bảng tương tác...), tăng số phòng chức năng (phòng thư viện, phòng ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến, phòng Hội trường có diện tích rộng...) đáp ứng đổi mới các hoạt động giáo dục trong cơ sở GDMN.

### 5.3. Quản lý phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non

- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch phát triển cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trong cơ sở GDMN về đủ về số lượng và nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu thực hiện chuyên môn<sup>13</sup>. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo<sup>14</sup>, ưu tiên thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GVMN theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Tích cực thực hiện kế hoạch nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên mầm non theo quy định. Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương trẻ. Đối xử công bằng và tôn trọng trẻ em, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của trẻ em, bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ ở cơ sở GDMN; triển khai hiệu quả Quy tắc ứng xử trong cơ sở GDMN tạo môi trường văn hóa, thanh lịch văn minh, thể hiện qua chuẩn mực trong cách giao tiếp, ứng xử, trang phục, hành vi của cán bộ, giáo viên, nhân viên và trẻ em.

- Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: Sẽ có văn bản hướng dẫn sau.

## 6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế

- Các cơ sở GDMN thực hiện việc cập nhật thông tin, dữ liệu của cơ sở mình vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đầy đủ theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, CDS trong công tác quản trị, quản lý, trong tổ chức hoạt động chuyên môn của cơ sở GDMN. Các cơ sở tự phát triển kho học liệu số cho đơn vị mình và chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong kho học liệu chung của tỉnh.

- Phát hiện, chia sẻ các điển hình, mô hình chuyển đổi số làm tốt để nhân rộng, tạo phong trào thực hiện chuyển đổi số trong toàn ngành Giáo dục.

- Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế về chương trình và học liệu, phương pháp vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em<sup>15</sup>.

## 7. Phát động phong trào thi đua, đẩy mạnh công tác truyền thông

- Phối hợp công tác giữa ngành giáo dục và chính quyền địa phương các tổ

<sup>13</sup> Luật số 73/2025/QH15 ngày 16/6 năm 2025 của Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo và các quy định của pháp luật.

<sup>14</sup> Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo

<sup>15</sup> Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 phê duyệt Đề án Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030.

chức chính trị - xã hội ở địa phương, chủ động thông tin, truyền thông về các chủ trương, quy định, chính sách mới của ngành, địa phương, cơ sở GDMN thông qua các hình thức đa dạng, phù hợp.

- Phát động các phong trào thi đua phù hợp với thực tiễn địa phương; nhân rộng các điển hình tiên tiến, mô hình hay tạo sức lan tỏa tích cực trong toàn ngành để biểu dương, khen thưởng.

- Đẩy mạnh truyền thông về chất lượng vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong cơ sở GDMN; đa dạng các kênh truyền thông, 100% cơ sở GDMN có trang thông tin điện tử, Fanpage, Zalo, bảng tin, chuyên mục “Album hình ảnh đẹp” giới thiệu về nhà trường: Cơ sở vật chất, trang thiết bị; biểu dương việc làm tốt, tấm gương nhà giáo tiêu biểu, chất lượng nuôi dưỡng giáo dục trẻ; các hoạt động sự kiện, lễ hội, công tác phối hợp với cha mẹ trẻ, truyền thông giáo dục nếp sống văn minh, thanh lịch cho trẻ...

- Tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền để triển khai hiệu quả chủ đề “Trường mầm non xanh - an toàn - hạnh phúc”.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển GDMN giai đoạn 2026-2030. Nâng cao chất lượng phát triển của giáo dục mầm non trong giai đoạn mới.

## II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở nội dung hướng dẫn và căn cứ tình hình thực tiễn địa phương, UBND các xã phường chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở GDMN trên địa bàn xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo theo quy định, báo cáo kết quả về Sở GDĐT (qua phòng GDMN) vào hai thời điểm trước 15/01/2026 và trước 30/6/2026. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc thông tin về Sở GDĐT để kịp thời giải quyết./.

### ***Nơi nhận:***

- Vụ GDMN, Bộ GDĐT (báo cáo);
- UBND các xã, phường (phối hợp);
- Phòng Văn hóa – Xã hội các xã, phường;
- Các cơ sở mầm non (thực hiện);
- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Các phòng công tác thuộc Sở;
- Lưu: VT, GDMN (Giang).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHẢN ĐẦU ĐẠT ĐƯỢC  
VỀ GIÁO DỤC MẦM NON TRONG NĂM HỌC 2025-2026**

| <b>TT</b>  | <b>Nhiệm vụ</b>                                                     | <b>Chỉ tiêu phản đầu</b>                                                                                                                                        |
|------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ</b>                |                                                                                                                                                                 |
| 1          | Tỷ lệ phổ cập GDMN 5 tuổi                                           | 100%                                                                                                                                                            |
| 2          | Huy động trẻ                                                        |                                                                                                                                                                 |
| -          | Tỷ lệ huy động trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi đi nhà trẻ | 45% (đối với các đơn vị đã vượt tỷ lệ năm 2024-2025 tiếp tục phấn đấu tăng 10% so với năm trước)                                                                |
| -          | Tỷ lệ huy động trẻ 05 tuổi đi học mẫu giáo                          | 99,98%                                                                                                                                                          |
| -          | Tỷ lệ huy động trẻ em từ 03 đến 05 tuổi đi học mẫu giáo (%)         | 96,7% (đối với các đơn vị đã vượt tỷ lệ năm 2024-2025 tiếp tục phấn đấu tăng thêm từ 5% so với năm trước; đối với các đơn vị đã đạt 100% phải tiếp tục duy trì) |
| -          | Tỷ lệ huy động trẻ MN đi học                                        | 77,0% (đối với các đơn vị đã vượt tỷ lệ năm 2024-2025 tiếp tục phấn đấu tăng thêm từ 5% so với năm trước)                                                       |
| 3          | Tỷ lệ trẻ em hoàn thành chương trình GDMN                           | 99,98%                                                                                                                                                          |
| 4          | Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | Dưới 2,0%                                                                                                                                                       |
| -          | Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                               | Dưới 2,0%                                                                                                                                                       |
| -          | Tỷ lệ số trẻ em béo phì                                             | Dưới 0, 2%                                                                                                                                                      |
| -          | Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường                                    | 95,5% (đối với các đơn vị đã vượt tỷ lệ năm 2024-2025 tiếp tục phấn đấu tăng tối thiểu 3% so với năm trước)                                                     |
| 5          | Triển khai cho trẻ làm quen với tiếng Anh                           | Ở các trường thuộc khu vực thuận lợi hoặc ở những nơi phát triển du lịch                                                                                        |
| 6          | Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ                                   | 100% trường học                                                                                                                                                 |
| <b>II</b>  | <b>Giáo viên</b>                                                    |                                                                                                                                                                 |
|            | Tỷ lệ giáo viên MN đạt chuẩn đào tạo                                | 90%                                                                                                                                                             |
| <b>III</b> | <b>Cơ sở vật chất</b>                                               |                                                                                                                                                                 |
|            | Tỷ lệ bếp ăn vận hành theo quy trình 1 chiều tại trường chính       | 95%                                                                                                                                                             |
| <b>IV</b>  | <b>Thiết bị</b>                                                     |                                                                                                                                                                 |

|          |                                                |                                           |
|----------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1        | Số phòng học được trang bị camera              | Mỗi đơn vị tăng thêm ít nhất 01 phòng học |
| 2        | Số phòng học được lắp TIVI kết nối internet    | Mỗi đơn vị tăng thêm ít nhất 01 phòng học |
| <b>V</b> | <b>Tăng cường ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số</b> |                                           |
|          | Xây dựng kho học liệu số của đơn vị            | 100% trường học                           |